

# VAI TRÒ CỦA HIỂU BIẾT TÀI CHÍNH TRONG MỐI QUAN HỆ GIỮA THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Lê Thủy Tiên<sup>1</sup>, Lâm Ngọc Nhân<sup>1\*</sup>, Nguyễn Quang Huy<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Lạc Hồng, số 10 Huỳnh Văn Nghệ, P Trần Biên, Đồng Nai, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Trung cấp Trường Sơn, P Buon Ma Thuot, Đắk Lắk, Việt Nam

\* Tác giả liên hệ: [ngocnhan@lhu.edu.vn](mailto:ngocnhan@lhu.edu.vn)

## THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 31/10/2025  
Ngày hoàn thiện: 28/03/2026  
Ngày chấp nhận: 31/03/2026  
Ngày đăng: 31/03/2026

## TỪ KHÓA

Thanh toán không dùng tiền mặt;  
Hiểu biết tài chính;  
Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa;  
Đồng Nai;  
Biến điều tiết.

## TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện trên các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) tại tỉnh Đồng Nai, một trung tâm công nghiệp và dịch vụ trọng điểm của khu vực phía Nam. Đối tượng khảo sát là các doanh nghiệp đang sử dụng ít nhất một hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như VNPAY, Napas, Momo hoặc ZaloPay, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ, đặc biệt là ẩm thực – thực phẩm. Nghiên cứu áp dụng phương pháp định lượng, sử dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích với quy mô 340 doanh nghiệp, thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua bảng hỏi Likert 5 mức độ. Dữ liệu được xử lý bằng SmartPLS 4.0 thông qua mô hình phương trình cấu trúc (PLS-SEM), kết hợp các kiểm định độ tin cậy, giá trị hội tụ, giá trị phân biệt và giả thuyết nghiên cứu. Kết quả cho thấy thanh toán không dùng tiền mặt và hiểu biết tài chính đều có tác động tích cực, có ý nghĩa thống kê đến hiệu quả hoạt động của MSME, trong khi hiểu biết tài chính không điều tiết đáng kể mối quan hệ này, cho thấy hai yếu tố cùng đóng vai trò quan trọng, nhưng chúng tác động độc lập thay vì bổ trợ lẫn nhau trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

# THE ROLE OF FINANCIAL LITERACY IN THE RELATIONSHIP BETWEEN CASHLESS PAYMENT AND BUSINESS PERFORMANCE

Le Thuy Tien<sup>1</sup>, Lam Ngoc Nhan<sup>1\*</sup>, Nguyen Quang Huy<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe, Tran Bien Ward, Dong Nai, Vietnam

<sup>2</sup>Truong Son College, Buon Ma Thuot Ward, Dak Lak, Vietnam

\*Corresponding Author: [ngocnhan@lhu.edu.vn](mailto:ngocnhan@lhu.edu.vn)

## ARTICLE INFO

Received: Oct 31<sup>st</sup>, 2025  
Revised: Mar 28<sup>th</sup>, 2026  
Accepted: Mar 31<sup>st</sup>, 2026  
Published: Mar 31<sup>st</sup>, 2026

## KEYWORDS

Cashless payment;  
Financial Literacy;  
MSME;  
Dong Nai;  
Moderator.

## ABSTRACT

The study was conducted among micro, small, and medium-sized enterprises (MSMEs) in Dong Nai Province, a key industrial and service hub in southern Vietnam. The surveyed subjects were enterprises that have adopted at least one form of cashless payment, such as VNPAY, Napas, Momo, or ZaloPay, primarily operating in the trade and service sectors, with a focus on the food and beverage industry. The research employed a quantitative approach, using a purposive sampling method with a total of 340 enterprises, and collected primary data through a five-point Likert scale questionnaire. The data were analyzed using SmartPLS 4.0 through Structural Equation Modeling (SEM), including assessments of reliability, convergent validity, discriminant validity, and hypothesis testing. The findings indicate that cashless payment and financial literacy both have a positive and statistically significant impact on the performance of MSMEs, while financial literacy does not significantly moderate this relationship. These results suggest that the two factors, although independent, jointly play crucial roles in improving business performance and competitiveness.

Doi: <https://doi.org/10.61591/jslhu.25.971>

Available online at: <https://lhj.vn>

## 1. GIỚI THIỆU

Khu vực doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) đóng vai trò nền tảng trong nền kinh tế Việt Nam và đặc biệt tại tỉnh Đồng Nai. Theo Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam 2024 do Tổng cục Thống kê công bố, cả nước có khoảng 900 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó MSME chiếm tới 98%. Khu vực này đóng góp khoảng 45% GDP, hơn 31% thu ngân sách nhà nước và tạo việc làm cho gần 60% lực lượng lao động [1]. Mặc dù đóng vai trò xương sống, MSME vẫn phải đối diện nhiều thách thức trong quá trình hội nhập, đặc biệt là khả năng tiếp cận vốn và năng lực chuyển đổi số [1].

Tại Đồng Nai, bức tranh MSME phản ánh khá rõ đặc trưng của cả nước. Đến đầu năm 2025, toàn tỉnh có trên 56 nghìn doanh nghiệp đăng ký hoạt động với tổng vốn gần 510.000 tỷ đồng, trong đó đa số vẫn là MSME [2]. Năm 2024, Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP (Gross Regional Domestic Product) của Đồng Nai đạt hơn 260.229 tỷ đồng, tăng 8,02% so với năm trước, cao hơn mức trung bình cả nước. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của khu vực doanh nghiệp, đặc biệt trong các ngành chế biến – chế tạo, dịch vụ logistics và thương mại [3]. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất của MSME tại địa phương là quy mô nhỏ, sức chống chịu hạn chế, và khả năng số hóa còn chậm [2].

Một vấn đề đáng quan tâm là hiểu biết tài chính, chỉ khoảng 54% người trưởng thành tại Việt Nam có mức độ hiểu biết tài chính đạt yêu cầu – con số thấp hơn mức trung bình khu vực [4]. Điều này tác động trực tiếp đến năng lực quản trị dòng tiền, khả năng tiếp cận vốn tín dụng và hiệu quả ứng dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tại Đồng Nai, mặc dù số lượng doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ thanh toán điện tử và công nghệ tài chính (Fintech) trong nước như thẻ, VNPay, Momo, ZaloPay tăng mạnh (bình quân 30–35%/năm), nhưng phần lớn tập trung ở doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp có khả năng công nghệ; trong khi đó, nhóm MSME vẫn gặp nhiều rào cản về kiến thức tài chính và nguồn lực để đầu tư công nghệ [5].

Trong bối cảnh đó, câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: Liệu hiểu biết tài chính có điều tiết mối quan hệ giữa thanh toán không dùng tiền mặt và hiệu quả hoạt động của MSME tại Đồng Nai hay không? Việc làm rõ mối quan hệ này không chỉ đóng góp bằng chứng thực nghiệm cho các nghiên cứu về tài chính doanh nghiệp, mà còn mang giá trị thực tiễn quan trọng, hỗ trợ nhà quản lý địa phương, các tổ chức tín dụng và chính bản thân doanh nghiệp trong chiến lược nâng cao năng lực tài chính, thúc đẩy chuyển đổi số, và nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

### 2.1 Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu này dựa trên ba nền tảng lý thuyết chính. Thứ nhất, lý thuyết nguồn lực do Barney (1991) phát triển, cho rằng lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp được quyết định bởi những nguồn lực nội tại có giá trị, hiếm, khó bắt chước và khó thay thế [6]. Đối với doanh nghiệp MSME, việc ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt và nâng cao hiểu biết tài chính có thể được xem là những nguồn lực vô hình tạo nên lợi thế và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động. Thứ hai, lý thuyết tài chính hành vi, khởi nguồn từ công trình Prospect Theory của Kahneman và cộng sự (1979), nhấn mạnh rằng các quyết định tài chính không luôn mang tính lý trí tuyệt đối mà chịu ảnh hưởng bởi nhận thức, mức độ hiểu biết và các thiên lệch hành vi [7]. Điều này cho thấy mức độ hiểu biết tài chính của nhà quản lý doanh nghiệp MSME có ảnh hưởng quan trọng đến việc họ chấp nhận, tin tưởng và sử dụng các công cụ thanh toán không dùng tiền mặt, từ đó tác động đến hiệu quả hoạt động. Thứ ba, lý thuyết chấp nhận công nghệ của Davis (1989) khẳng định việc chấp nhận và sử dụng một công nghệ phụ thuộc vào nhận thức về tính hữu ích và tính dễ sử dụng [8]. Liên hệ với nghiên cứu này, doanh nghiệp MSME sẽ chỉ áp dụng rộng rãi các phương thức thanh toán điện tử khi nhận thấy lợi ích thực tiễn như giảm chi phí, tăng hiệu quả và dễ dàng tiếp cận; trong đó, hiểu biết tài chính đóng vai trò như một yếu tố nền tảng củng cố nhận thức và hành vi ứng dụng công nghệ

### 2.2 Giả thuyết nghiên cứu

Nhiều nghiên cứu quốc tế và trong nước đã chỉ ra rằng việc áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu quả kinh doanh thông qua việc giảm chi phí giao dịch, gia tăng tốc độ và nâng cao tính minh bạch trong thanh toán. Sinaga và cộng sự (2023) chứng minh rằng các doanh nghiệp MSME có mức độ áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt cao đạt tỷ suất lợi nhuận bình quân vượt trội 25,6% so với các doanh nghiệp có mức áp dụng thấp [9]. Tương tự, Adedokun (2017) khẳng định dịch vụ ngân hàng di động và POS (Point of Sales) đã cải thiện đáng kể hiệu quả tài chính của MSME tại Anambra State [10], trong khi Onyekwelu & Chinwe (2020) phát hiện các dịch vụ ngân hàng trực tuyến, ATM và ngân hàng di động có tác động tích cực đến hiệu quả doanh nghiệp MSME tại bang Anambra, Nigeria [11]. Tại Việt Nam, Nguyễn Văn Bình và cộng sự (2024) chỉ ra rằng các yếu tố thúc đẩy phát triển nền kinh tế không dùng tiền mặt bao gồm hạ tầng thanh toán điện tử, sự tin tưởng của người dùng và khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng [12]. Linh và cộng sự (2025) trong nghiên cứu về việc chấp nhận các phương thức thanh toán số tại Việt Nam cho thấy yếu tố công nghệ, sự tiện ích và chính sách hỗ trợ của Chính phủ có tác động tích cực đến hành vi áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt của doanh nghiệp [13]. Bên cạnh đó, Linh và cộng sự (2024) khẳng định rằng sự sẵn sàng công nghệ và niềm tin tài chính đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa thanh toán số và hiệu

quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa [14]. Tuy nhiên, một số nghiên cứu lại đưa ra kết quả trái chiều, điển hình là Graña-Alvarez và cộng sự (2022) khi chỉ ra rằng thanh toán không dùng tiền mặt không có tác động trực tiếp đáng kể đến hiệu quả hoạt động của MSME tại thành phố Ambon, Indonesia [15], và Kurniasari và cộng sự (2025) cũng không tìm thấy mối tương quan trực tiếp, mặc dù hiểu biết tài chính đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ này [16]. Gần đây, các nghiên cứu của Wael Abdallah (2025) và Alfonz Lawrenz Kilay (2022) tiếp tục củng cố tác động tích cực của hệ thống thanh toán số đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp MSME, đặc biệt khi được hỗ trợ bởi hạ tầng số phù hợp [17,18]. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này đề xuất giả thuyết H1: Thanh toán không dùng tiền mặt có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp MSME.

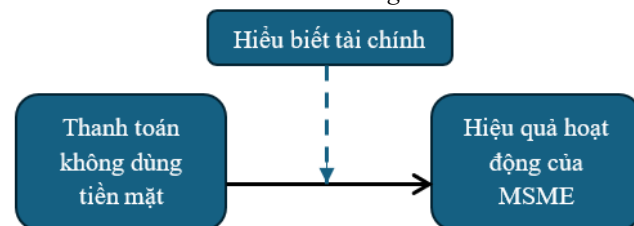
Quốc tế đã có nhiều khẳng định về hiểu biết tài chính có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của MSME trong nhiều bối cảnh khác nhau. Tại Indonesia, các nghiên cứu của Anthony A Eniola (2016), Baiq và cộng sự (2025) chỉ ra rằng hiểu biết tài chính trực tiếp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, trong đó mối quan hệ này thường được trung gian bởi khả năng tiếp cận tài chính và quản trị rủi ro tài chính hiệu quả [19,20]. Ở Nigeria, Anthony (2016) và Baiq (2025) cũng khẳng định tồn tại mối quan hệ tích cực đáng kể giữa hiểu biết tài chính và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp MSME [19,20]. Tuy nhiên, một số nghiên cứu lại cho kết quả khác biệt, chẳng hạn Fitriyah và cộng sự (2023) cho rằng thái độ tài chính, chứ không phải bản thân hiểu biết tài chính, mới là yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến hiệu quả hoạt động [21]. Tại Việt Nam, các nghiên cứu liên quan chủ yếu tập trung vào hiểu biết tài chính của cá nhân và hộ kinh doanh nhỏ, hoặc mối quan hệ giữa hiểu biết tài chính và khả năng tiếp cận tín dụng, thay vì trực tiếp phân tích tác động đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Theo World Bank (2023), mức độ hiểu biết tài chính của nhóm doanh nhân Việt Nam vẫn ở mức trung bình, ảnh hưởng đến khả năng lập kế hoạch, quản trị rủi ro và sử dụng hiệu quả nguồn vốn [22]. Báo cáo của OECD/INFE (2022) cũng cho thấy chỉ số hiểu biết tài chính trung bình của Việt Nam đạt 12,3 điểm trên thang 21, thấp hơn mức trung bình khu vực ASEAN [23]. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024) nhấn mạnh rằng doanh nghiệp MSME vẫn gặp hạn chế trong quản trị tài chính nội bộ, khiến hiệu quả hoạt động chưa tương xứng với tiềm năng [24]. Dữ liệu từ Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam 2024 của Tổng cục Thống kê (2024) cho thấy gần 70% SMSE chưa có bộ phận kế toán – tài chính chuyên trách [25]. Như vậy, dù chưa có nhiều bằng chứng thực nghiệm cụ thể tại Việt Nam, các kết quả khảo sát và nghiên cứu khu vực cho thấy hiểu biết tài chính vẫn là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị vốn, tối ưu chi phí và cải thiện hiệu quả hoạt động. Giả thuyết H2 được

đề xuất như sau: Hiểu biết tài chính có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp MSME.

Các nghiên cứu về hiểu biết tài chính và hệ thống thanh toán số cho thấy kết quả còn chưa thống nhất liên quan đến tác động của chúng đối với hiệu quả hoạt động của MSME. Một số công trình chứng minh rằng hiểu biết tài chính có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động của MSME (Fitriyah và cộng sự, 2023; Erna Listyaningsih và cộng sự, 2024) [21,26], trong khi nghiên cứu khác lại không tìm thấy tác động trực tiếp đáng kể (Restu Millaningtyas và cộng sự, 2024) [28]. Việc áp dụng thanh toán số cũng cho kết quả tương tự: nghiên cứu báo cáo tác động tích cực (Dwi và cộng sự, 2023; 2025) [27]. Theo Sari và cộng sự (2024), việc sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt có thể củng cố tác động tích cực của hiểu biết tài chính đối với hiệu quả tài chính của MSME, tuy nhiên mức độ điều tiết này không nhất quán trong mọi trường hợp và phụ thuộc vào loại hình hoạt động của doanh nghiệp [29]. Tương tự, Ilham và cộng sự (2025) cho rằng trong bối cảnh xã hội không tiền mặt, các hệ thống thanh toán FinTech giúp tăng cường hiệu quả hoạt động của MSME, nhưng tác động này bị chi phối bởi trình độ hiểu biết số và cơ sở hạ tầng công nghệ [30]. Vì vậy giả thuyết H3 được đưa ra: Hiểu biết tài chính điều tiết mối quan hệ giữa thanh toán không dùng tiền mặt và hiệu quả hoạt động của MSME, theo hướng làm gia tăng tác động tích cực của thanh toán không dùng tiền mặt đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

### 2.3 Mô hình nghiên cứu

Sơ đồ 1. Mô hình nghiên cứu



(Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất)

### 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định lượng, với công cụ SmartPLS 4.0 để xử lý dữ liệu sơ cấp, phù hợp cho việc phân tích mối quan hệ giữa các biến tiềm ẩn trong mô hình nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu là toàn bộ các doanh nghiệp MSME đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Phương pháp chọn mẫu được áp dụng là chọn mẫu có chủ đích, tức là chọn mẫu dựa trên các tiêu chí cụ thể (Mumtaz và cộng sự, 2025) [31]. Các tiêu chí lựa chọn mẫu bao gồm: Các doanh nghiệp đã sử dụng ít nhất một trong các hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt phổ biến tại Việt Nam như VNPAY, Napas, Momo hoặc ZaloPay [32]. Doanh nghiệp có thời gian hoạt động trên 6 tháng. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ và thương mại, đặc biệt là nhóm ngành ẩm thực – thực

phẩm, vì đây là khu vực có mức độ ứng dụng thanh toán điện tử cao [33].

Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi khảo sát gửi đến các chủ MSME đáp ứng tiêu chí mẫu. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 1–5, trong đó 1 thể hiện hoàn toàn không đồng ý và 5 thể hiện hoàn toàn đồng ý. Mẫu thu thập được theo tiêu chí chọn mẫu là 340 đáp ứng yêu cầu phân tích PLS-SEM (Hair và cộng sự, 2019).

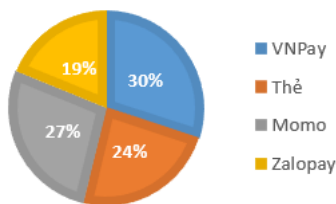
Phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng mô hình phương trình cấu trúc (SEM), được thực hiện theo các bước: kiểm định độ phù hợp mô hình, kiểm định giả thuyết, kiểm định độ tin cậy, kiểm định giá trị phân biệt và kiểm định giá trị hội tụ [34, 35].

Thang đo được kế thừa từ các nghiên cứu trước đây như: Thanh toán không dùng tiền mặt X(X1-X4) kế thừa của (Daryanto, 2016)[36]; hiệu quả hoạt động của MSME Y(Y1-Y4) kế thừa từ (Aminah và cộng sự, 2020), (Musthafa, 2023), (M. Susan, 2020) [37-39]; Hiểu biết tài chính Z(Z1-Z6) kế thừa từ (P. A. Sanistasya và cộng sự, 2019), (D. Mukarromah và cộng sự, 2020) [40,41]. Bảng mô tả thang đo (Phụ lục).

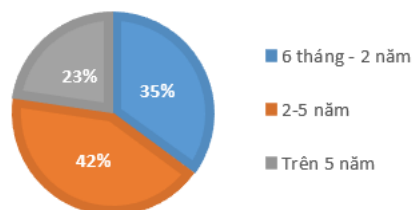
Biến tương tác X\*Z trong nghiên cứu được xây dựng theo phương pháp Two-Stage Approach trong PLS-SEM. Ở giai đoạn thứ nhất, mô hình được ước lượng để thu được điểm số biến tiềm ẩn của Thanh toán không dùng tiền mặt (X) và Hiểu biết tài chính (Z). Ở giai đoạn thứ hai, biến tương tác được tạo bằng cách nhân các điểm số biến tiềm ẩn của X và Z, sau đó đưa vào mô hình cấu trúc để kiểm định vai trò điều tiết. Phương pháp này giúp giảm độ phức tạp mô hình và đảm bảo độ ổn định của ước lượng, phù hợp với các mô hình có nhiều chỉ báo (Hair và cộng sự, 2019).

#### 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

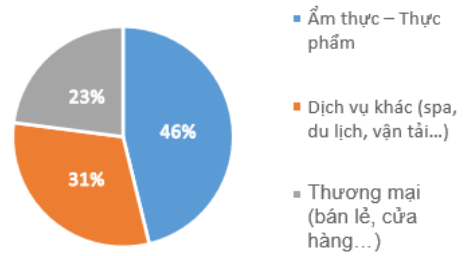
##### 4.1 Kết quả thống kê mô tả



Hình 1a. Hình thức thanh toán không dùng tiền mặt



Hình 1b. Thời gian hoạt động của MSME

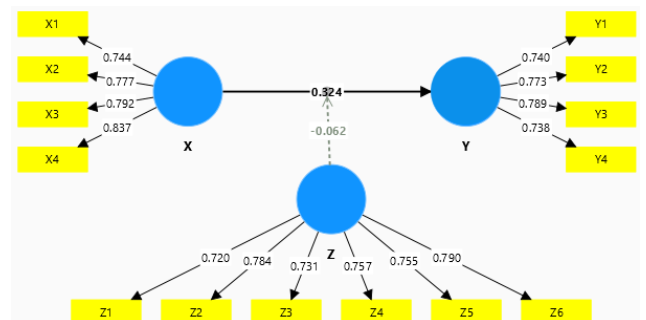


Hình 1c. Ngành nghề kinh doanh

Kết quả thống kê mô tả Hình 1 cho thấy trong các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, VNPAY (30%) và Momo (27%) chiếm ưu thế, tiếp theo là thẻ ngân hàng (24%) và ZaloPay (19%), phản ánh xu hướng dịch chuyển từ thẻ truyền thống sang ví điện tử và QR code. Về thời gian hoạt động, phần lớn MSME tại Đồng Nai có tuổi đời từ 2–5 năm (42%) và 6 tháng – 2 năm (35%), trong khi doanh nghiệp trên 5 năm chỉ chiếm 23%, cho thấy khu vực này năng động nhưng thiếu bền vững. Xét theo ngành nghề, ẩm thực – thực phẩm chiếm 46%, kể đến là dịch vụ khác (31%) và thương mại bán lẻ (23%), khẳng định lĩnh vực ẩm thực – thực phẩm vừa là trọng điểm vừa là nhóm dễ áp dụng thanh toán số để mở rộng khách hàng.

##### 4.2 Kết quả kiểm định giá trị hội tụ và độ tin cậy của thang đo

Kết quả ở hình 2 cho thấy các biến quan sát của thang đo Thanh toán không dùng tiền mặt (X) có hệ số tải ngoài dao động từ 0,744 đến 0,837; thang đo Hiệu quả hoạt động MSME (Y) có hệ số tải ngoài trong khoảng 0,738 đến 0,789; và thang đo Hiểu biết tài chính (Z) dao động từ 0,720 đến 0,790. Tất cả các giá trị đều lớn hơn 0,7, cho thấy các biến quan sát phản ánh tốt khái niệm tiềm ẩn mà chúng đo lường và đạt tiêu chuẩn về giá trị hội tụ [38].



Hình 2. Hệ số tải ngoài

Nguồn: Xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Bên cạnh đó, kết quả ở bảng 1 cũng cho thấy giá trị AVE của các thang đo đều vượt ngưỡng 0,50 (X = 0,621; Y = 0,578; Z = 0,573). Đồng thời, các chỉ số Cronbach's Alpha (X = 0,797; Y = 0,757; Z = 0,852) và Composite Reliability (rho\_c) (X = 0,868; Y = 0,846; Z = 0,889) đều cao hơn 0,7, khẳng định các thang đo có độ tin cậy cao và giá trị hội tụ tốt, đảm bảo tính hợp lệ cho các phân tích tiếp theo [34].

**Bảng 1.** Độ tin cậy tổng hợp, Cronbach's alpha và phương sai trung bình

	Độ tin cậy tổng hợp (rho_c)	Hệ số Cronbach's Alpha.	Phương sai trung bình. (AVE)
X	0,868	0,797	0,621
Y	0,846	0,757	0,578
Z	0,889	0,852	0,573
		<b>Average</b>	<b>0,591</b>

Nguồn: Xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Henseler và cộng sự (2015) đưa ra đề xuất về hai ngưỡng đánh giá giá trị phân biệt giữa tập chỉ báo của biến tiềm ẩn i và của biến tiềm ẩn j như sau:

Nếu  $HTMT_{ij} > 0,9$ , khó đạt được giá trị phân biệt giữa hai biến tiềm ẩn i và j. Có nghĩa là dữ liệu của tập chỉ báo i và j khá tương đồng nhau.

Nếu  $HTMT_{ij} \leq 0,85$ , đạt được giá trị phân biệt giữa hai biến tiềm ẩn i và j.

**Bảng 2.** Bảng HTMT trên SMARTPLS 4

	X	Y	Z	X*Z
X				
Y	0,567			
Z	0,489	0,495		
X*Z	0,135	0,110	0,065	

Nguồn: Xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Dựa vào kết quả ở bảng 2, các chỉ số HTMT đều nhỏ hơn 0,85 nên có thể khẳng định các biến trong mô hình đảm bảo tính phân biệt với nhau đảm bảo tính hợp lệ cho các phân tích tiếp theo.

#### 4.3 Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Theo Hair và cộng sự (2017), một giả thuyết được chấp nhận khi giá trị thống kê  $T > 1,96$  ở mức ý nghĩa 5% và  $P\text{-value} < 0,05$  [42]. Kết quả Bootstrapping trong bảng 3 cho thấy hệ số đường dẫn giữa Thanh toán không dùng tiền mặt và Hiệu quả MSME (H1) đạt 0,324 với  $T = 6,193$  và  $P = 0,000 < 0,05$ , do đó giả thuyết H1 được chấp nhận. Tương tự, hệ số đường dẫn giữa Hiểu biết tài chính và Hiệu quả MSME (H2) là 0,280 với  $T = 5,969$  và  $P = 0,000$ , khẳng định giả thuyết H2 cũng được chấp nhận. Ngược lại, giả thuyết H3 về vai trò điều tiết của Hiểu biết tài chính trong mối quan hệ giữa Thanh toán không dùng tiền mặt và Hiệu quả MSME có hệ số đường dẫn -0,062 với  $T = 1,855$  và  $P = 0,064 > 0,05$ , cho thấy giả thuyết này bị bác bỏ, kết quả phù hợp với nghiên cứu của Dwi & cộng sự (2023) [27]. Ngoài ra, hệ số VIF ở mức nhỏ hơn 3 không có hiện tượng đa cộng tuyến (Hair và cộng sự, 2019).

**Bảng 3.** Kiểm định giả thuyết

	Mẫu gốc	Mẫu trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị thống kê T	P Value	VIF
$X \Rightarrow Y$	0,324	0,326	0,052	6,193	0,000	1,231
$Z \Rightarrow Y$	0,280	0,286	0,047	5,969	0,000	1,217
$XxZ \Rightarrow Y$	-0,062	-	0,034	1,855	0,064	1,029
		0,061				

Nguồn: Xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Kết quả trên cho thấy việc áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt và nâng cao hiểu biết tài chính đều góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động của MSME. Tuy nhiên, hiểu biết tài chính không đóng vai trò điều tiết trong mối quan hệ giữa thanh toán không dùng tiền mặt và hiệu quả MSME. Nguyên nhân có thể do các nền tảng thanh toán điện tử tại Việt Nam được thiết kế thân thiện, dễ sử dụng, giúp doanh nghiệp áp dụng thuận tiện mà không cần trình độ tài chính cao.

**Bảng 4.** Kết quả kiểm định R-Square ( $R^2$ )

	$R^2$	$R^2$ hiệu chỉnh
Y	0,567	0,566

Nguồn: Xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Kết quả trong Bảng 4 cho thấy giá trị  $R^2 = 0,567$  và  $R^2$  hiệu chỉnh = 0,566 đối với biến phụ thuộc Y. Điều này chứng tỏ các biến độc lập trong mô hình giải thích được 56,7% sự biến thiên của hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, một mức khá cao so với nhiều nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Đồng thời, sự chênh lệch rất nhỏ giữa  $R^2$  và  $R^2$  hiệu chỉnh (0,001) cho thấy mô hình ổn định, ít bị ảnh hưởng bởi số lượng biến độc lập hoặc cỡ mẫu. Như vậy, mô hình nghiên cứu có khả năng giải thích tốt, khẳng định tính phù hợp của các biến được lựa chọn trong việc lý giải hiệu quả hoạt động của MSME.

**Bảng 5.** Chỉ số Blindfolding ( $Q^2$ )

	SSO	SSE	$Q^2$
Y	2178,064	1059,065	0,5138

Nguồn: Xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Biến phụ thuộc Y có  $Q^2 = 0,5138 > 0,5$  cho thấy mô hình này có giá trị dự báo cao (Hair và cộng sự, 2019). Như vậy, biến độc lập trong mô hình không chỉ giải thích tốt sự biến thiên của biến phụ thuộc trong mẫu nghiên cứu, mà còn có khả năng dự báo đáng tin cậy đối với các quan sát bị loại trong quá trình blindfolding. Do đó, mô hình không chỉ có ý nghĩa về mặt giải thích lý thuyết mà còn thể hiện tính hữu ích thực tiễn trong việc dự báo hiệu quả hoạt động của các MSME.

#### 4.4 Mức độ phù hợp của mô hình

Theo Henseler và cộng sự (2015), chỉ số SRMR được sử dụng như một chỉ số bổ trợ, kết hợp với  $R^2, Q^2$  để đánh

giá mức độ phù hợp tổng thể của mô hình trong PLS-SEM. Về ngưỡng đánh giá, **SRMR < 0,08** cho thấy mô hình đạt **mức độ phù hợp chấp nhận được**, trong khi **SRMR < 0,05** phản ánh **mức độ phù hợp rất tốt**. [43]

**Bảng 6. Chỉ số SRMR**

Estimated model	
<b>SRMR</b>	0,065

Như vậy, với kết quả SRMR = 0,065, mô hình nghiên cứu được xếp vào mức phù hợp, cho thấy mô hình có thể tái hiện tốt cấu trúc tương quan giữa các biến quan sát và các mối quan hệ nhân quả giữa các biến tiềm ẩn, đồng thời phản ánh mức độ phù hợp chấp nhận được của mô hình tổng thể trong phân tích PLS-SEM.

#### 4.5 Bàn luận

##### **Thanh toán không dùng tiền mặt và hiệu quả hoạt động của MSME (H1)**

Giả thuyết H1 được chấp nhận cho thấy việc áp dụng các hình thức thanh toán như VNPAY, Momo, ZaloPay và thẻ ngân hàng giúp doanh nghiệp giảm chi phí vận hành, tăng tốc độ giao dịch, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị tài chính. Doanh nghiệp có thể kiểm soát dòng tiền, lập báo cáo nhanh và chính xác hơn, qua đó cải thiện năng suất và khả năng ra quyết định. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu của Sinaga và Rossalina (2023) chứng minh rằng việc áp dụng thanh toán điện tử và công nghệ số giúp các MSME trong lĩnh vực thực phẩm – đồ uống tại Indonesia nâng cao lợi nhuận và giảm chi phí giao dịch [9]; Gordins (2022) và Mbab (2019) đều phát hiện rằng dịch vụ ngân hàng di động và thanh toán POS góp phần cải thiện hiệu quả tài chính của SME tại bang Anambra, Nigeria [10,11]; Tại Việt Nam, Nguyen văn Bình và cộng sự (2024) xác định rằng các yếu tố công nghệ, chính sách hỗ trợ và sự tin tưởng của người dùng là những nhân tố then chốt thúc đẩy nền kinh tế không tiền mặt, qua đó tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp [12]; Linh (2025) cũng khẳng định rằng việc áp dụng các phương thức thanh toán số như ví điện tử và QR code đang trở thành xu hướng phổ biến tại Việt Nam, đặc biệt ở khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa [13]. Ngoài ra, dữ liệu giao dịch từ thanh toán số còn giúp doanh nghiệp hiểu rõ hành vi tiêu dùng, tối ưu chiến lược marketing và quản trị tồn kho. Như vậy, thanh toán không dùng tiền mặt là nguồn lực công nghệ chiến lược, góp phần nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của MSME trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

##### **Hiểu biết tài chính và hiệu quả hoạt động của MSME (H2)**

Doanh nghiệp có trình độ hiểu biết tài chính cao thường quản lý dòng tiền tốt hơn, ra quyết định đầu tư hợp lý, giảm rủi ro và nâng cao năng lực cạnh tranh. Phát hiện này phù hợp với Lý thuyết nguồn lực (RBV) của Barney (1991), cho rằng tri thức và kỹ năng tài chính là nguồn lực vô hình giúp tạo lợi thế cạnh tranh bền vững [6]. Trong

bối cảnh MSME, hiểu biết tài chính được xem như năng lực nội tại hỗ trợ nhà quản lý lập kế hoạch, sử dụng vốn tối ưu và kiểm soát hiệu quả tài chính dài hạn. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu của Anthony A. Eniola (2016) chỉ ra rằng hiểu biết tài chính giúp SME tại Nigeria nâng cao khả năng ra quyết định và kiểm soát chi phí, qua đó cải thiện hiệu quả hoạt động [19]; Baiq Desthanian Prathama (2025) chứng minh rằng hiểu biết tài chính và khả năng tiếp cận tín dụng đóng vai trò then chốt trong tăng trưởng và hiệu quả hoạt động của MSME trong kỷ nguyên số [20]; Fitriyah et al. (2023) chỉ ra rằng thái độ và hành vi tài chính tích cực, cùng với hiểu biết tài chính, giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu suất hoạt động [21]. Như vậy, kết quả nghiên cứu tại Đồng Nai tiếp tục củng cố bằng chứng rằng hiểu biết tài chính là yếu tố quan trọng trong mô hình quản trị MSME, đóng vai trò nâng cao năng lực ra quyết định, kiểm soát tài chính và phát triển bền vững. Do đó, cần chú trọng nâng cao hiểu biết tài chính thông qua đào tạo và hợp tác giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý và tổ chức tài chính nhằm giúp MSME phát triển bền vững hơn.

##### **Hiểu biết tài chính điều tiết mối quan hệ giữa thanh toán không dùng tiền mặt và hiệu quả hoạt động (H3)**

Kết quả trên cho thấy việc áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt và nâng cao hiểu biết tài chính đều góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động của MSME. Tuy nhiên, hiểu biết tài chính không đóng vai trò điều tiết trong mối quan hệ giữa thanh toán không dùng tiền mặt và hiệu quả MSME. Điều này hàm ý rằng, mặc dù cả hai yếu tố đều quan trọng, nhưng chúng tác động độc lập thay vì bổ trợ lẫn nhau trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. MSME thường ưu tiên hiệu quả vận hành và sự tiện lợi cho khách hàng hơn là đầu tư vào kiến thức tài chính. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu của Sari và cộng sự (2024), Ilham và cộng sự (2025) [29,30], cho rằng hiểu biết tài chính chỉ có tác động điều tiết hạn chế, phụ thuộc vào trình độ chuyển đổi số, hạ tầng công nghệ và bối cảnh xã hội không tiền mặt. Ngoài ra, các nghiên cứu của Rahmawati và cộng sự (2023), Millaningtyas và cộng sự (2024); Fitriyah và cộng sự (2023) cũng cho thấy hiểu biết tài chính không phải lúc nào là yếu tố điều tiết mạnh, mà hành vi, thái độ tài chính và khả năng ứng dụng công nghệ mới là yếu tố quyết định trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động MSME [27, 28, 21]. Hàm ý là các MSME nên được trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ thanh toán, trong khi các tổ chức tài chính và nhà cung cấp dịch vụ cần tiếp tục đơn giản hóa giao diện, cung cấp hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng tối đa lợi ích từ thanh toán không dùng tiền mặt.

#### 5. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy thanh toán không dùng tiền mặt và hiểu biết tài chính đều có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp MSME tại tỉnh Đồng Nai. Việc áp dụng các hình

thức thanh toán điện tử như VNPAY, Napas, Momo và ZaloPay đã giúp doanh nghiệp giảm chi phí giao dịch, tăng tốc độ thanh toán, nâng cao tính minh bạch và khả năng kiểm soát dòng tiền, từ đó cải thiện hiệu quả vận hành và năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, hiểu biết tài chính của chủ doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý vốn, lập kế hoạch tài chính, tiếp cận tín dụng và kiểm soát rủi ro, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của MSME. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy hiểu biết tài chính không có vai trò điều tiết đáng kể trong mối quan hệ giữa thanh toán không dùng tiền mặt và hiệu quả hoạt động. Hai yếu tố này tuy không tương tác mạnh nhưng lại tác động độc lập và đồng thời góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

Về mặt quản trị, kết quả nghiên cứu mang lại những hàm ý quan trọng cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

Đối với doanh nghiệp MSME: cần chủ động chuyển đổi sang hình thức thanh toán điện tử để giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và tăng tính minh bạch trong quản lý tài chính.

Các chủ doanh nghiệp: nên nâng cao hiểu biết tài chính thông qua các chương trình đào tạo, qua đó tăng khả năng lập kế hoạch, phân tích và ra quyết định đầu tư hiệu quả hơn.

Đối với các cơ quan quản lý địa phương: cần thúc đẩy phổ cập thanh toán không dùng tiền mặt thông qua hỗ trợ hạ tầng công nghệ, khuyến khích sử dụng QR Code, POS tại các khu công nghiệp và chợ truyền thống, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo tài chính – công nghệ nhằm nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các ngân hàng, tổ chức tài chính và công ty Fintech: cần tiếp tục đơn giản hóa quy trình giao dịch, cải thiện giao diện thân thiện, đồng thời phối hợp với cơ quan nhà nước và hiệp hội doanh nghiệp để mở rộng tiếp cận Fintech cho khu vực tư nhân.

Tóm lại, nghiên cứu khẳng định thanh toán không dùng tiền mặt và hiểu biết tài chính là hai trụ cột quan trọng giúp MSME tại Đồng Nai nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh chuyển đổi số. Tuy chúng không có mối quan hệ điều tiết lẫn nhau, nhưng khi được triển khai song song, hai yếu tố này tạo ra hiệu ứng cộng hưởng, giúp doanh nghiệp tăng năng suất, minh bạch tài chính và khả năng cạnh tranh. Đây là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách, cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp xây dựng các chương trình hỗ trợ phù hợp, hướng tới một hệ sinh thái MSME phát triển bền vững trong nền kinh tế số Việt Nam.

Một hạn chế của nghiên cứu là cơ cấu mẫu khảo sát có sự tập trung lớn ở ngành ẩm thực – thực phẩm (F&B), chiếm 46% tổng số quan sát. Mặc dù tỷ lệ này phản ánh đúng thực tiễn ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt vốn phổ biến hơn trong các ngành có tần suất giao dịch cao như ăn uống và bán lẻ song điều này có thể làm hạn

chế khả năng khái quát hóa kết quả cho toàn bộ khu vực MSME. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng mẫu sang những ngành có mức độ ứng dụng thanh toán số thấp hơn như sản xuất, xây dựng hoặc nông nghiệp, nhằm kiểm định tính ổn định của các mối quan hệ nghiên cứu trong những bối cảnh khác nhau.

## 6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổng cục Thống kê (2024). *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam 2024*, NXB Thống kê.
- [2] Hương Giang (09/2/2025) Liên kết sẽ giúp doanh nghiệp vươn lớn mạnh. *Báo Đồng Nai*:  
<https://baodongnai.com.vn/tin-moi/202502/lien-ket-se-giup-doanh-nghiep-viet-lon-manh-a5144b0>
- [3] Văn Dũng (18/12/2024) Kinh tế Đồng Nai năm 2024 tăng trưởng mạnh mẽ, thu hút đầu tư. *Báo Đại biểu Nhân dân*  
<https://daibieunhandan.vn/kinh-te-dong-nai-nam-2024-tang-truong-manh-me-thu-hut-dau-tu-10354936.html>
- [4] MĐ (16/4/2024) Dự báo thị trường tài chính Việt Nam 2024. *Thị trường Tài chính Tiền tệ*  
<https://thitruongtaichinhthiente.vn/du-bao-thi-truong-tai-chinh-cua-viet-nam-nam-2024-58397.html>
- [5] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, *Báo cáo hoạt động Fintech và thanh toán không dùng tiền mặt tại Đồng Nai*, 2024.
- [6] J. Barney (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. *Journal of Management*, vol.17, no.1, pp. 99–120, 1991.  
DOI: <https://doi.org/10.1177/014920639101700108>
- [7] D. Kahneman and A. Tversky (1979). Prospect theory: An analysis of decision under risk. *Econometrica*, vol. 47, no. 2, pp. 263–291.  
DOI: <https://doi.org/10.2307/1914185>
- [8] F. D. Davis (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology,” *MIS Quarterly*, vol. 13, no. 3, pp. 319–340.  
<http://dx.doi.org/10.2307/249008>
- [9] Sinaga, Jenni Irene, Rossalina (2023). Digital Adoption and Financial Performance: Evidence From Indonesian SMES in Food and Beverage Sector. *J. Econ. Bus. Accountancy Ventura*, vol. 2, no. 4.  
DOI: <https://doi.org/10.57096/return.v3i04.94>
- [10] Gordins Afoke Israel (2022). Effect of mobile banking on the performance of small and medium enterprises in Anambra State,” *International Academic J. Manag.*, vol. 7, no. 2, pp. 161–174.  
DOI: DOI: 67324256617211
- [11] Mbab Stella (2019). Effect of electronic banking on the performance of SMEs in Anambra State, Nigeria. *Int. J. Econ. Finance Manage. Sci.*, vol. 14, no. 6, pp. 173.  
DOI: <https://doi.org/10.5539/ijbm.v14n6p173>
- [12] Nguyen Van Binh, Pham Quynh Mai, Luu Quang Huy (2024). Factors Affecting the Development of Cashless Economy in Vietnam. *Business and Economic Research*, 14(4), 22351.

- DOI: <https://doi.org/10.5296/ber.v14i4.22351>
- [13] T. T. LINH (2025). Adoption of Digital Payment Methods in Vietnam: Key Determinants and Distribution Analysis. *Journal of Distribution Science*, vol. 23, no. 2, pp. 39–49, Feb.  
DOI: <https://doi.org/10.15722/jds.23.02.202502.39>
- [14] Linh, T. T., Huyen, N. T. T., Thang, D. N., & Phuong, N. M. (2024). How neighbor influence negatively affects digital payment adoption in Vietnam. *Cogent Business & Management*, vol 11, no1.  
DOI: <https://doi.org/10.1080/23311975.2024.2431654>
- [15] Graña-Alvarez, R., Lopez-Valeiras, E., Gonzalez-Loureiro, M., & Coronado (2022) Financial literacy in SMEs: A systematic literature review and a framework for further inquiry. *Journal of Small Business Management*, Vol 62, no 1, pp 331–380. DOI: <https://doi.org/10.1080/00472778.2022.2051176>
- [16] Kurniasari, F., Abd Hamid, N., & Lestari, E. D (2025). Unraveling the impact of financial literacy, financial technology adoption, and access to finance on small medium enterprises business performance and sustainability: a serial mediation model. *Cogent Business & Management*, vol 12, no 1.  
DOI: <https://doi.org/10.1080/23311975.2025.2487837>
- [17] Wael Abdallah, Arezou Harraf, Hasan hura, Maryam Abrar (2025). Financial literacy and small and medium enterprises performance: the moderating role of financial access". *Journal of Financial Reporting and Accounting* ; vol 23, no 4, pp 1345–1364.  
DOI: <https://doi.org/10.1108/JFRA-06-2024-0337>
- [18] Alfonz Lawrenz Kilay, Bachtiar H. Simamora, Danang Pinardi Putra (2022). The Influence of E-Payment and E-Commerce Services on Supply Chain Performance: Implications of Open Innovation and Solutions for the Digitalization of Micro, Small, and Medium Enterprises (MSMEs) in Indonesia. *Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity*, Volume 8, Issue 3, ISSN 2199-8531.  
DOI: <https://doi.org/10.3390/joitmc8030119>
- [19] Anthony A Eniola (2016). Financial literacy and SME firm performance. *Afr. J. Bus. Manage.*, vol. 5, no. 1, pp. 31–43.  
<https://doi.org/10.5861/ijrsm.2015.1304>
- [20] Baiq Desthania Prathama (2025). The role of financial literacy and access to finance in driving MSME growth in the digital era. *Management Studies and Bus. J.*, vol. 2, no. 2, pp. 2076–2094.  
DOI: <https://doi.org/10.62207/5aw81b35>
- [21] Fitriyah, Agus Hermawan, and Naswan Sudarsono (2023). The Impact Of Financial Literacy, Financial Attitudes And Financial Behaviour On MSMEs Growth. *Internatuional J of Science, Technology & Management*, no. 5, pp. 1560-1565.  
DOI: <https://doi.org/10.46729/ijstm.v4i6.979>
- [22] World Bank (2023), *Vietnam Financial Inclusion and Literacy Report*, Washington D.C.
- [23] OECD/INFE (2022). Financial Literacy in Southeast Asia 2022: Insights and Policy Recommendations, *OECD Publishing*, Paris.
- [24] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024). *Báo cáo tổng kết hoạt động tài chính và Fintech tại Việt Nam năm 2024*, Hà Nội.
- [25] Tổng cục Thống kê (2024), *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam 2024*, Hà Nội: NXB Thống kê.
- [26] Erna Listyaningsih, Rahyono, Apip Alansori, and Amirul Mukminin (2024). Financial Literacy, Financial Inclusion, and Financial Statements on MSMEs' Performance and Sustainability with Business Length as a Moderating Variable. *Econ Studies J.*, vol. 33, no. 1, pp. 94–113.  
<https://www.researchgate.net/publication/377766238>
- [27] Dwi Rahmawati, Abdurrahman Rahim Thaha, Agus Priyanto (2023). Financial literacy, digital transformation adoption, and their significance to the MSMEs performance in Bandung city. *Jurnal Manajemen Bisnis dan Kewirausahaan*, vol. 7, no. 1, pp. 313–223.  
DOI: <https://doi.org/10.24912/jmbk.v7i1.20702>
- [28] Restu Millaningtyas, Moh. Amin, Agus Hermawan, P. Handayati (2024). Digital Transformation of Financial Literacy and Inclusion as a Support for Convenience for MSMEs. *IJHES*, vol. 3, no. 5. DOI: <https://doi.org/10.55227/ijhess.v3i5.824>
- [29] S. M. Sari, Arie Setyo Dwi Purnomo, and Prasetyo Nugroho (2024). The influence of financial literacy and the use of social commerce on the financial performance of msme in Madura. *Journal of Economic Development Policy*, vol. 5, no. 3.  
DOI: <https://doi.org/10.52300/jmso.v5i3.17204>
- [30] R. M. Ilham, Fithri Widyanita Yarisma, Ira Setiawati (2025). Empowering MSME Performance Through Fintech and E-Commerce: The Moderating Role of Cashless Society. *Media Akuntansi Universitas Muhammadiyah Semarang*. vol.15, no.1, pp. 64-80. DOI: <https://doi.org/10.26714/mki.15.1.2025.64-80>
- [31] Mumtaz Ali Memon, Ramayah Thurasamy, Hiram Ting and Jun-Hwa Cheah (2025). Purposive sampling: A review and guidelines for quantitative research. *Journal of Applied Structural Equation Modeling*, vol.9, no.1, pp 1-23.  
DOI: [https://doi.org/10.47263/JASEM.9\(1\)01](https://doi.org/10.47263/JASEM.9(1)01)
- [32] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2025). Báo cáo tổng kết hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam năm 2024. Hà Nội.
- [33] Báo Đồng Nai (2024) Doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy mạnh ứng dụng thanh toán số . Báo Đồng Nai: <https://baodongnai.com.vn>
- [34] C. Fornell and D. F. Larcker (1981). Evaluating structural equation models with unobservable variables and measurement error. *J. Marketing Res.*, vol. 18, no. 1, pp. 39–50.  
DOI: <https://doi.org/10.2307/3151312>
- [35] J. C. Nunnally and I. H. Bernstein (1994) *Psychometric Theory*, 3rd ed. New York: McGraw-Hill.  
<https://doi.org/10.1177/014662169501900308>

- [36] Neetu Kumari and Jhanvi Khanna (2017). Cashless Payment: A Behaviourial Change To Economic Growth. *International Journal of Scientific Research in Education*, vol.5. <https://api.semanticscholar.org/CorpusID:168680262>
- [37] H. Aminah, D. Susita, and Hamidah (2020). UMKM Go Online! Pengembangan Kompetensi Pelaku UMKM di Provinsi DKI Jakarta. *Jurnal Industri Kreatif dan Kewirausahaan*, vol. 3, no. 1. DOI: <https://doi.org/10.36441/kewirausahaan.v3i1.69>
- [38] Musthafa, I., Handra, H., Bachtiar, N., Taifur, W. D., & Ariyanto, E. (2023). Financial literacy and performance of micro, small and medium enterprises: a literature review. *Journal of management, accounting, general finance and international economic issues*. vol.3, no.1, pp.287–303. DOI: <https://doi.org/10.55047/marginal.v3i1.956>.
- [39] M. Susan (2020). Financial literacy and MSME growth in West Java. *International Symposia in Economic Theory and Econometrics*, vol. 27, pp. 39–48. DOI: 10.1108/S1571-038620200000027004
- [40] P. A. Sanistasya, K. Raharjo, and M. Iqbal (2019). The Effect of Financial Literacy and Inclusion on Small Enterprises. *Journal Economia*, vol. 15, no. 1, pp. 48–59. DOI: <https://doi.org/10.21831/economia.v15i1.23192>
- [41] D. Mukarromah and M. Astuti (2020). Financial Performance Analysis on MSMEs of Cassava Product,” *Economia*, Vol. 16, No. DOI: <https://doi.org/10.21831/economia.v16i2.31232>
- [42] J. F. Hair, C. M. Ringle, and M. Sarstedt (2021) *Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM)*, pp.1-47. DOI: [http://dx.doi.org/10.1007/978-3-319-05542-8\\_15-2](http://dx.doi.org/10.1007/978-3-319-05542-8_15-2)
- [43] Henseler J, Hubona G, Ray PA (2016). Using PLS path modeling in new technology research: updated guidelines. *Industrial Management & Data Systems*, Vol. 116 No. 1 pp. 2–20. DOI: <https://doi.org/10.1108/IMDS-09-2015-0382>

## 7. PHỤ LỤC

<b>Bảng : Mô tả thang đo</b>			
<b>Biến/Nhân tố</b>	<b>Mã hóa</b>	<b>Mô tả thang đo</b>	<b>Nguồn trích dẫn</b>
Thanh toán không dùng tiền mặt (X)	X1	Mức độ dễ sử dụng của hệ thống thanh toán số	[36]
	X2	Tốc độ và hiệu quả giao dịch qua phương thức không dùng tiền mặt	
	X3	Mức độ tích hợp công nghệ thanh toán vào hoạt động kinh doanh	
	X4	Cảm nhận về độ tin cậy và an toàn của hệ thống thanh toán điện tử	
Hiệu quả hoạt động MSME (Y)	Y1	Tăng trưởng doanh thu sau khi áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt	[37-39]
	Y2	Tăng lợi nhuận thuần của doanh nghiệp	
	Y3	Cải thiện năng suất lao động và quy trình vận hành	
	Y4	Mức độ hài lòng và quay lại của khách hàng	
Hiểu biết tài chính (Z)	Z1	Khả năng lập kế hoạch tài chính và quản lý ngân sách	[40,41]
	Z2	Kỹ năng theo dõi dòng tiền và chi tiêu hợp lý	
	Z3	Thái độ tích cực trong quản lý tài chính và sử dụng công nghệ tài chính	
	Z4	Khả năng ra quyết định tài chính đúng đắn và phù hợp	
	Z5	Khả năng nhận diện và ứng phó rủi ro tài chính	
	Z6	Khả năng sử dụng công cụ tài chính số (app ngân hàng, ví điện tử, máy POS...)	